ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 4614/QĐ-ĐHBK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen thưởng sinh viên đạt danh hiệu "Sinh viên Giỏi toàn diện" năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Qui chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia TP. HCM, ban hành kèm theo Quyết định số 767/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 12/9/2006 và Quyết định số 803/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 16/7/2009 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. HCM về việc phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Điều 15 Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa;

Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-ĐHBK-CTCT-SV ngày 20/4/2017 về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên trường;

Căn cứ danh sách đề cử và kết quả xét danh hiệu SV năm học 2021 – 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen và tiền thưởng cho **1.430 sinh viên** đạt danh hiệu **"Sinh viên Giỏi toàn diện"** năm học 2021 - 2022 *(danh sách đính kèm):*

TT	Khoa	Số lượng
1	Trung tâm ĐT Bảo dưỡng Công nghiệp	06
2	Cơ khí	359
3	KT Địa chất – Dầu khí	13
4	Điện – Điện tử	100
5	Khoa học & Kỹ thuật Máy tính	183
6	Kỹ thuật Hóa học	266
7	Quản lý Công nghiệp	205
8	Kỹ thuật Xây dựng	84
9	Môi trường và Tài nguyên	33

10	Công nghệ Vật liệu	39
11	Khoa học Ứng dụng	74
12	Kỹ thuật Giao thông	68
Tổng cộng		**1.430**

Điều 2. Mức thưởng: **100.000 đồng/sinh viên**.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng phòng Công tác chính trị - Sinh viên, Trưởng các Khoa, Phòng, ban liên quan và sinh viên có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT, CTCT-SV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Trần Thiên Phúc

DANH SÁCH SV ĐẠT DANH HIỆU "SINH VIÊN GIỎI TOÀN DIỆN"
NĂM HỌC 2021-2022
(kèm theo Quyết định số 4811/QĐ-ĐHBK ngày 08 tháng 11 năm 2023)

Trung tâm ĐT Bảo dưỡng công nghiệp: 06 sinh viên

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
1	BD19BDG2	Trần Trung	Hào	1913235
2	BD19BDG5	Phan Quốc	Khánh	1913751
3	BD19BDG6	Phạm Hoàng Minh	Nhật	1911777
4	BD19BDG6	Đặng Lê Bảo	Tín	1915507
5	BD20BDG2	Bùi Nhật	Duy	2012807
6	BD20BDG4	Nguyễn Thọ Minh	Tú	2014979

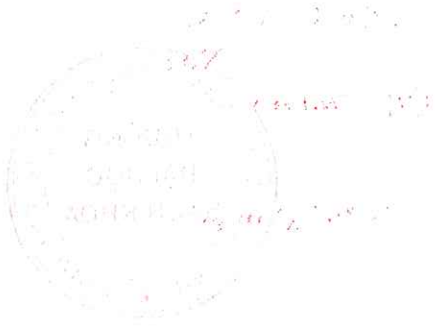

DANH SÁCH SV ĐẠT DANH HIỆU "SINH VIÊN GIỎI TOÀN DIỆN"
NĂM HỌC 2021-2022
(kèm theo Quyết định số 4614 /QĐ-ĐHBK ngày 08 tháng 11 năm 2023)

Khoa Cơ khí: 359 sinh viên

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
1	CC18CK11	Trần Tiến	Anh	1752083
2	CC18CK11	Hồ Viết Cao	Cường	1752119
3	CC18CK11	Lê Quốc	Dũng	1752146
4	CC18CK11	Trần Thành	Đạt	1752165
5	CC18CK11	Nguyễn Cao	Sang	1752464
6	CC18CK11	Nguyễn Anh	Tú	1752601
7	CC18CK11	Võ Tuyết	Minh	1852588
8	CC18CK11	Đặng Quốc	Thắng	1852751
9	CC18CK12	Nguyễn Võ Xuân	Huy	1810947
10	CC18CK12	Nguyễn Tấn	Phước	1813644
11	CC18CK12	Lâm Hồng	Dũng	1852304
12	CC18CK12	Nguyễn Hồng	Sang	1852715
13	CC18CK12	Tô Văn	Trực	1852830
14	CC19CDT1	Lê Trần Vũ	Long	1852162
15	CC19CDT1	Huỳnh Bá	Lộc	1952326
16	CC19CDT2	Huỳnh Minh	Nhật	1952104
17	CC19CDT2	Bùi Vũ Tuấn	Anh	1952170
18	CC19CDT2	Lê Thế	Duy	1952206
19	CC19CDT2	Lý Hưng	Thịnh	1952468
20	CC19CDT2	Lê Quang	Tín	1952495
21	CC19CDT2	Phạm Thanh	Tú	1953084
22	CC19CK11	Nguyễn Huy	Trường	1752583
23	CC19CK11	Nguyễn Kiên Trung	Hiếu	1852367
24	CC19CK11	Nguyễn Trọng	An	1952549
25	CC19CK12	Hà Thanh	Tùng	1852903
26	CC19CK12	Lê Hải	Nhân	1952371
27	CC19CK12	Nguyễn Văn Bình	Dương	1952640
28	CC19CK12	Võ Thụy Thảo	Vy	1953113
29	CC20CK11	Phạm Quý	Hưng	1852430
30	CC20CK12	Võ Quang	Bảo	2010155
31	CC20CK12	Trần Hồng	Hưng	2052118
32	CC20CK12	Hồ Thiên	Bảo	2052395
33	CC20COD1	Nguyễn Công	Hiếu	1952048
34	CC20COD1	Thái Quốc	Hùng	1952061
35	CC20COD2	Nguyễn Sĩ	Bá	2010892
36	CC20COD2	Lý Quốc Lê	Trường	2052767

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
37	CC20COD2	Nguyễn Ngọc	Hưng	2053074
38	CC20COD2	Đặng Trung	Kiên	2053158
39	CC20LQC1	Hoàng Tuấn	Anh	2052024
40	CC20LQC1	Lê Nguyên	Khôi	2052548
41	CC20LQC2	Nguyễn Đình Quốc	Đạt	2052233
42	CC20LQC2	Tô Hữu	Tín	2052283
43	CC20LQC2	Phạm Nguyễn Thu	Ngân	2052609
44	CC20ROB1	Nguyễn Lâm Vĩnh	Gia	2052074
45	CC20ROB1	Lê Tấn	Khoa	2052134
46	CC20ROB2	Trần Minh	Long	2052154
47	CC21COD1	Phạm Anh	Hoàng	2152082
48	CC21COD1	Phạm Quang	Trường	2153077
49	CC21LQC1	Nguyễn Hữu	Thịnh	2152297
50	CC21LQC1	Lê Bảo	Thy	2153031
51	CC21LQC1	Hồ Tấn	Đạt	2153278
52	CC21LQC2	Phùng Gia	Bảo	2153213
53	CC21ROB	Kiều Quốc	Minh	2152169
54	CC21ROB	Trần Ngọc Vĩnh	Quyền	2153755
55	CC21ROB1	Đào Mạnh	Đạt	2052435
56	CC21ROB1	Vũ Hoàng	Tùng	2152338
57	CC21ROB1	Hồ Duệ	Trung	2153069
58	CK18CD1	Nguyễn Đình	Thuận	1810565
59	CK18CD1	Lê Nhựt	Thắng	1814090
60	CK18CD1	Đồng Phước	Tiến	1814311
61	CK18CD2	Đặng Đình	Cường	1811643
62	CK18CDM	Trần Thị Ngọc	Trâm	1810598
63	CK18CDM	Phạm Thị Hương	Thảo	1811231
64	CK18CDM	Dương Nguyễn Mai	Anh	1811397
65	CK18CDM	Nguyễn Thị Minh	Châu	1811595
66	CK18CDM	Võ Thị Hương	Duyên	1811766
67	CK18CDM	Lê Thị Xuân	Hòa	1812315
68	CK18CDM	Nguyễn Hoàng	My	1813122
69	CK18CDM	Hồ Thị	Ngân	1813191
70	CK18CDM	Đỗ Hồng	Ngọc	1813239
71	CK18CDM	Mai Thị Trinh	Nữ	1813455
72	CK18CDM	Hà Mỹ	Phương	1813616
73	CK18CDM	Lê Võ Như	Quỳnh	1813774
74	CK18CDM	Nguyễn Thanh	Tâm	1813922
75	CK18CDM	Nguyễn Thị Hồng	Vân	1814749
76	CK18CDM	Đinh Trương Thảo	Vy	1814840
77	CK18CDM	Lê Tường	Vy	1814844
78	CK18CTM2	Nguyễn Đức	Dũng	1810089

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
79	CK18CTM2	Phạm Đình Hồng	Thanh	1810511
80	CK18CTM2	Đỗ Tấn	Khoa	1812641
81	CK18CTM2	Trần Vũ	Sang	1813817
82	CK18CTM2	Hồ Viết	Tự	1814720
83	CK18CTM3	Đặng Anh	Khoa	1810237
84	CK18CTM3	Trần Hoài	Lộc	1810313
85	CK18CTM3	Thân Thời Gia	Hiến	1810914
86	CK18CTM4	Trần Văn	Thái	1810765
87	CK18DET	Quách Thị Mỹ	Yến	1810678
88	CK18DET	Võ Ngọc	Hương	1810971
89	CK18DET	Đinh Ngọc	Tuyến	1811316
90	CK18DET	Phạm Ngọc Quế	Anh	1811445
91	CK18DET	Nguyễn Song Quỳnh	Nhi	1813405
92	CK18DET	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi	1813406
93	CK18DET	Nguyễn Kim	Oanh	1813462
94	CK18DET	Huỳnh Công	Tân	1813932
95	CK18DET	Bùi Thị	Thảo	1814040
96	CK18DET	Bùi Thị Bích	Thư	1814260
97	CK18LOG1	Dương Xuân	Tuyền	1810636
98	CK18LOG1	Lý Nguyên Bảo	My	1811089
99	CK18LOG1	Lê Phương Minh	Nguyệt	1811114
100	CK18LOG1	Võ Tấn	Phát	1811140
101	CK18LOG1	Phạm Bá	Trắc	1811286
102	CK18LOG1	Phạm Nguyễn Cát	Tường	1811328
103	CK18LOG1	Phạm Thị Lan	Anh	1811446
104	CK18LOG1	Nguyễn Quốc	Bảo	1811527
105	CK18LOG1	Võ Thế	Bảo	1811554
106	CK18LOG1	Lê Quốc	Cường	1811649
107	CK18LOG1	Phạm Anh	Duy	1811736
108	CK18LOG1	Lê Khả	Hân	1812115
109	CK18LOG1	Bùi Khải	Hiếu	1812153
110	CK18LOG1	Nguyễn Thị Thanh	Hoàng	1812279
111	CK18LOG1	Nguyễn Văn	Huy	1812406
112	CK18LOG1	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	1812454
113	CK18NH1	Phan Thị Hồng	Cẩm	1811586
114	CK18NH1	Nguyễn Nhật	Hào	1812047
115	CK19CD1	Phan Trung	Đạt	1910115
116	CK19CD1	Đặng Anh	Khoa	1910261
117	CK19CD1	Đặng Hữu	Nhân	1910400
118	CK19CD1	Lâm Chí	Tài	1910506
119	CK19CD1	Đặng Trường	Vũ	1910699
120	CK19CD1	Phạm Anh	Đạt	1911025

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
121	CK19CD1	Nguyễn Sơn	Lâm	1911476
122	CK19CD1	Nguyễn Hữu	Nhân	1911755
123	CK19CD1	Lã Thái	Sơn	1911976
124	CK19CD1	Trịnh Quang	Đạt	1913080
125	CK19CD1	Lê Thành	Long	1913993
126	CK19CD1	Nguyễn Văn	Thịnh	1915325
127	CK19CD1	Lê Văn	Vương	1915998
128	CK19CD2	Châu Nhật	Quang	1910478
129	CK19CD2	Huỳnh Chí	Tài	1910504
130	CK19CD2	Ngô Trần Tuấn	Đạt	1911009
131	CK19CD2	Nguyễn Văn	Hiếu	1913351
132	CK19CD2	Phan Dương	Khiêm	1913791
133	CK19CD2	Nguyễn Vũ	Lực	1914088
134	CK19CD2	Nguyễn Hoàng	Minh	1914165
135	CK19CD2	Hồ Tuấn	Phát	1914583
136	CK19CD2	Hà Như	Thuần	1915371
137	CK19CD2	Phan Đình	Trường	1915743
138	CK19CD3	Trần Văn	Hải	1913264
139	CK19CDM	Phan Thị Kim	Hương	1911318
140	CK19CDM	Trần Lan	Hương	1911319
141	CK19CDM	Phạm Huỳnh	Trâm	1912261
142	CK19CDM	Phùng Thị Cẩm	Tú	1912389
143	CK19CDM	Tô Tú	Uyên	1912418
144	CK19CDM	Lê Trúc	Mai	1914107
145	CK19CDM	Nguyễn Thị Thu	Ngân	1914286
146	CK19CDM	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	1914346
147	CK19CDM	Nguyễn Thị Khánh	Nhi	1914507
148	CK19CDM	Nguyễn Thị Kim	Phượng	1914786
149	CK19CDM	Trần Thị Ngọc	Phượng	1914789
150	CK19CDM	Nguyễn Thị Mỹ	Sen	1914933
151	CK19CDM	Hồ Thị Kim	Tho	1915333
152	CK19CDM	Nguyễn Thị Thúy	Tiên	1915462
153	CK19CDM	Nguyễn Thị Như	Ý	1916065
154	CK19CTM1	Hoàng Long	Hải	1910152
155	CK19CTM1	Nguyễn Đình	Duẩn	1912862
156	CK19CTM1	Trương Công	Đức	1913177
157	CK19CTM1	Nguyễn Lam	Hoài	1913409
158	CK19CTM1	Thái Duy	Khang	1913706
159	CK19CTM1	Trần Viết	Quốc	1914866
160	CK19CTM2	Trần Minh	Quang	1910483
161	CK19CTM2	Huỳnh Tấn	Chương	1910884
162	CK19CTM2	Phan Nguyễn Quang	Thịnh	1912131

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
163	CK19CTM2	Nguyễn Thị Kim	Mơ	1914190
164	CK19CTM3	Trương Tuấn	Anh	1912626
165	CK19CTM3	Nguyễn Quốc	Bình	1912729
166	CK19DET	Trần Thị Kim	Loan	1913981
167	CK19DET	Phạm Thị Bích	Ngọc	1914356
168	CK19DET	Nguyễn Đức	Quyền	1914884
169	CK19DET	Nguyễn Thị	Thu	1915370
170	CK19HT1	Nguyễn Hoàng	Thiên	1912103
171	CK19HT1	Phạm Trần Yến	Anh	1912612
172	CK19HT1	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	1912938
173	CK19HT1	Trần Nguyễn Viết	Định	1913118
174	CK19HT1	Vũ Ngọc	Hà	1913217
175	CK19HT1	Nguyễn Trúc Thanh	Hoài	1913411
176	CK19HT1	Nguyễn Văn Hoàng	Hưng	1913646
177	CK19HT1	Dương Thủy Hoài	Ngọc	1914333
178	CK19HT1	Nguyễn Thị	Nhàn	1914418
179	CK19HT1	Phạm Thị Yến	Nhi	1914518
180	CK19HT1	Nguyễn Thiên	Phúc	1914701
181	CK19HT1	Nguyễn Thế	Quân	1914835
182	CK19HT1	Mai Văn	Quyền	1914882
183	CK19HT1	Nguyễn Đức	Tài	1915005
184	CK19HT1	Võ Tuấn	Thiện	1915302
185	CK19HT1	Lâm Ngọc	Thịnh	1915309
186	CK19HT1	Đinh Thị Vân	Thọ	1915338
187	CK19HT1	Trần Thị Kiều	Trinh	1915648
188	CK19HT2	Trần Lan	Anh	1910028
189	CK19HT2	Nguyễn Duy	Phương	1910467
190	CK19HT2	Phạm Trương Thanh	Thùy	1910590
191	CK19HT2	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1911669
192	CK19HT2	Nguyễn Thu	Phương	1911891
193	CK19HT2	Huỳnh Ngọc	Thảo	1912068
194	CK19HT2	Phan Thị Trường	An	1912538
195	CK19HT2	Lê Quế	Dung	1912864
196	CK19HT2	Nguyễn Lê Hảo	Hảo	1913271
197	CK19HT2	Nguyễn Minh	Hiếu	1913343
198	CK19HT2	Nguyễn Xuân	Hùng	1913613
199	CK19HT2	Nguyễn Đăng	Khánh	1913744
200	CK19HT2	Chu Thái	Nguyên	1914364
201	CK19HT2	Nguyễn Thanh	Nhân	1914440
202	CK19HT2	Đoàn Trần Uyển	Nhi	1914499
203	CK19HT2	Trần Vũ Hà	Nhi	1914524
204	CK19HT2	Nguyễn Thị Thúy	Nhị	1914531

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
205	CK19HT2	Nguyễn Bảo	Phương	1914740
206	CK19HT2	Nguyễn Thanh	Thảo	1915187
207	CK19HT2	Nguyễn Lê Thu	Trang	1915581
208	CK19HT2	Nguyễn Thảo	Trang	1915582
209	CK19HT2	Nguyễn Thị Huyền	Trang	1915583
210	CK19HT2	Nguyễn Thị Thanh	Trà	1915597
211	CK19HT2	Lê Chí Hoàng	Triều	1915631
212	CK19HT2	Hồng Huỳnh Nhã	Uyên	1915870
213	CK19HT2	Dương Tường	Vi	1915894
214	CK19HT2	Đặng Thế	Vinh	1915927
215	CK19KHTN	Nguyễn Thị ánh	Dung	1912866
216	CK19KHTN	Ngô Tuấn	Phát	1914592
217	CK19KSCD	Trương Đức	Duy	1910097
218	CK19KSCD	Phạm Mạnh	Huy	1910214
219	CK19KSCD	Huỳnh Anh	Khôi	1910278
220	CK19KSCD	Nguyễn Tường	Minh	1910343
221	CK19KSCD	Lê Thành	Phúc	1910453
222	CK19KSCD	Ngô Huỳnh	Anh	1910758
223	CK19KSCD	Phan Trung	Hiếu	1911163
224	CK19KSCD	Phạm Hồng	Hiệp	1911183
225	CK19KSCD	Vũ Đăng	Khoa	1911422
226	CK19KSCD	Hồng Đức	Linh	1911485
227	CK19KSCD	Phan Đại	Nghĩa	1911686
228	CK19KSCD	Đỗ Ngọc Thành	Danh	1912838
229	CK19KSCD	Lê Minh	Quân	1914825
230	CK19LOG1	Voòng Thị Thúy	An	1912549
231	CK19LOG1	Phạm Linh	Chi	1912776
232	CK19LOG1	Trương Thị Kim	Chi	1912778
233	CK19LOG1	Đặng Thị Xuân	Diệp	1912851
234	CK19LOG1	Nguyễn Phương	Duy	1912909
235	CK19LOG1	Hoàng Hữu	Đạt	1913022
236	CK19LOG1	Nguyễn Nhật	Hạ	1913274
237	CK19LOG1	Lê Ngọc	Hân	1913290
238	CK19LOG1	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	1913404
239	CK19LOG1	Hồ Thị Thanh	Huyền	1913585
240	CK19LOG1	Võ Thị Bích	Huyền	1913589
241	CK19LOG1	Nguyễn Thị Thu	Hường	1913666
242	CK19LOG1	Dương Gia	Minh	1914136
243	CK19LOG1	Vũ Hà	My	1914203
244	CK19LOG1	Nguyễn Thị Gia	Nhi	1914506
245	CK19LOG1	Phan Thị Hồng	Nhung	1914542
246	CK19LOG2	Nguyễn Đình	Công	1910069

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
247	CK19LOG2	Phạm Ngọc Uyên	Phương	1910469
248	CK19LOG2	Phan Diễm	Quỳnh	1910494
249	CK19LOG2	Phạm Thiều Phương	Nhi	1911786
250	CK19LOG2	Nguyễn Nhật Tấn	Tài	1911996
251	CK19LOG2	Ngô Hoàng	Tân	1912014
252	CK19LOG2	Nguyễn Văn	Hoàng	1913447
253	CK19LOG2	Nguyễn Nhật	Lệ	1913928
254	CK19LOG2	Trần Thị Kiều	Linh	1913965
255	CK19LOG2	Võ Nguyễn Khánh	Linh	1913969
256	CK19LOG2	Nguyễn Nhựt Hạ	My	1914197
257	CK19LOG2	Nguyễn Lê Vương	Thảo	1915186
258	CK19LOG2	Nguyễn Minh	Tòng	1915572
259	CK19NH1	Trương Huy	Song	1914938
260	CK19NH1	Cao Văn	Thắng	1915215
261	CK19NH2	Phạm Bá	Mạnh	1910334
262	CK19NH2	Bùi Nhân	Hậu	1911128
263	CK19NH2	Lê Đăng	Khoa	1911402
264	CK19NH2	Nguyễn Thái Uyên	Vy	1912478
265	CK19NH2	Nguyễn Thế	Bảo	1912682
266	CK19NH2	Hoàng Trọng	Khang	1913688
267	CK19NH2	Nguyễn Bá	Minh	1914160
268	CK19NH2	Nguyễn Thị Kiều	Trang	1915584
269	CK20CDT2	Đinh Ngọc	Phúc	2011838
270	CK20CDT2	Nguyễn Anh	Tuấn	2012341
271	CK20CDT3	Bùi Thanh	Hiền	2013177
272	CK20CDT3	Nguyễn Văn Vũ	Lân	2013606
273	CK20CDT3	Nông Văn	Thiện	2014581
274	CK20CDT4	Bùi Minh	Hoàng	2013215
275	CK20CDTN	Lê Đức	Huy	2010284
276	CK20CDTN	Triệu Khánh	Thi	2010639
277	CK20CDTN	Phan Minh	Cường	2010978
278	CK20CDTN	Nguyễn Việt	Hùng	2011314
279	CK20CDTN	Đoàn Lâm	Nhật	2011747
280	CK20CDTN	Nguyễn Văn Quân	Phong	2014128
281	CK20CDTN	Nguyễn Hoàng	Phúc	2014171
282	CK20CDTN	Đặng Nguyễn Tấn	Tài	2014402
283	CK20CK01	Lê Gia	Ân	2010142
284	CK20CK01	Trần Nguyễn Việt	Nguyên	2010467
285	CK20CK01	Phạm Cao Kim	Quân	2010559
286	CK20CK01	Chu Ngọc Trường	An	2010811
287	CK20CK01	Võ Thanh	Trường	2012329
288	CK20CK03	Lý Văn	Bảo	2010901

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
289	CK20CK04	Bùi Duy	Nhựt	2014060
290	CK20CK04	Trần Đức	Suê	2014389
291	CK20CK04	Huỳnh Trọng	Tính	2014759
292	CK20CK04	Nguyễn Ngọc Quốc	Việt	2015048
293	CK20CK05	Lê Tuấn	Kiệt	2013569
294	CK20CK05	Võ Xuân	Trúc	2014905
295	CK20CK06	Nguyễn Ngọc Quốc	Thắng	2014543
296	CK20CK07	Nguyễn Minh	Hi	2013130
297	CK20CKTN	Nguyễn Đức Thiên	Ân	2010143
298	CK20CKTN	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	2010464
299	CK20CKTN	Lê Minh	Đạt	2012493
300	CK20CKTN	Nguyễn Lưu Thành	Nhân	2013972
301	CK20CKTN	Nguyễn Huỳnh	Quang	2014243
302	CK20DET	Nguyễn Thị Hoài	Thương	2014685
303	CK20HT1	Trần Thị	Phượng	2010544
304	CK20HT1	Trần Ngọc Minh	Tuyết	2010759
305	CK20HT1	Nguyễn Lâm Ngọc	Minh	2011619
306	CK20KHTN	Nguyễn Tân	Phước	2010541
307	CK20KHTN	Lê Thanh	Bảo	2012661
308	CK20LOG1	Nguyễn Hòa	An	2010821
309	CK20LOG1	Đào Gia	Minh	2011607
310	CK20LOG1	Huỳnh Thanh	Nhả	2011721
311	CK20NH1	Cao Tấn	Phát	2011787
312	CK20NH1	Trương Anh	Duy	2012849
313	CK20NH1	Hoàng Thị Thu	Huệ	2013269
314	CK20NH1	Lê Nhứt	Huy	2013296
315	CK20NH1	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	2013348
316	CK20NH1	Hồ Trọng	Nghĩa	2013866
317	CK20NH1	Võ Tấn	Phát	2014097
318	CK20NH1	Đinh Ngọc	Sơn	2014367
319	CK20NH1	Trần Duy	Trì	2014862
320	CK20NH2	Lê Minh	Phú	2014136
321	CK20NH2	Phan Ngọc	Thuận	2014655
322	CK20NH2	Lê Minh	Trí	2014847
323	CK20NH2	Trương Hoàng	Vũ	2015098
324	CK21CDT1	Trương Chí	Tâm	2110523
325	CK21CDT3	Nguyễn Văn	Bảo	2112876
326	CK21CDT3	Vương	Thức	2114972
327	CK21CDTN	Huỳnh Gia	Duy	2110079
328	CK21CDTN	Nguyễn Quốc	Hưng	2110225
329	CK21CDTN	Ngô Lê Hoàng	Long	2111665
330	CK21CDTN	Trần Ngọc	Minh	2111773

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
331	CK21CDTN	Nguyễn Nhã	Quý	2112160
332	CK21CDTN	Lê Khánh	Duy	2113009
333	CK21CDTN	Lê Văn	Tỉnh	2115022
334	CK21CKTN	Trương Phát	Đạt	2111035
335	CK21CKTN	Võ Thanh	Hòa	2113441
336	CK21HT1	Nguyễn Hà	Giang	2110139
337	CK21HT1	Lý Hoàng	Khang	2113663
338	CK21KHTN	Nguyễn Thái	Vương	2110678
339	CK21LOG1	Phạm Nguyễn Thành	Danh	2110072
340	CK21LOG1	Trần Thu	Hương	2110230
341	CK21LOG1	Nguyễn Việt	Bảo	2112877
342	CK21LOG1	Nguyễn Văn	Đạt	2113151
343	CK21LOG1	Huỳnh Vũ Hồng	Phúc	2114432
344	CK21LOG1	Lại Văn	Quý	2114596
345	CT21COD1	Nguyễn Đình	Bách	2150001
346	VP18CDT	Nguyễn Tiến	Trọng	1810618
347	VP18CDT	Nguyễn Thiên	Hà	1812025
348	VP18CDT	Đào Minh	Khôi	1812673
349	VP18CDT	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	1813229
350	VP18CDT	Lê Tiến	Thành	1814010
351	VP18CDT	Đào Đức	Thắng	1814079
352	VP19CDT	Phạm Quang	Anh	1910025
353	VP19CDT	Trương Tấn Minh	Hùng	1910225
354	VP19CDT	Đặng Ngọc	Khánh	1910249
355	VP19CDT	Khưu Long	Duy	1912881
356	VP21CDT	Nguyễn Văn Hồng	Phúc	2110461
357	VP21CDT	Huỳnh Đình	Quang	2110473
358	VP21CDT	Nguyễn Phước	Đạt	2111014
359	VP21CDT	Lê Khả	Quốc	2112143

DANH SÁCH SV ĐẠT DANH HIỆU "SINH VIÊN GIỎI TOÀN DIỆN"
NĂM HỌC 2021-2022
(kèm theo Quyết định số 5511 /QĐ-ĐHBK ngày 08 tháng 11 năm 2023)

Khoa KT Địa chất - Dầu khí: 13 sinh viên

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
1	DC19DK1	Phạm Thành	Tâm	1912007
2	DC19DK1	Phạm Thành	An	1912542
3	DC19DK1	Lê Nguyễn Diệu	Anh	1912572
4	DC19DK1	Võ Hồng	Ân	1912646
5	DC19DK1	Trần Minh	Chiến	1912785
6	DC19DK1	Nguyễn Minh	Luân	1914062
7	DC19DK1	Nguyễn Công	Luận	1914073
8	DC19DK1	Cũng Hồng	Minh	1914135
9	DC19DK1	Đinh Văn	Minh	1914144
10	DC19DK1	Lê Quang Hiếu	Nghĩa	1914308
11	DC19DK1	Đoàn Trần Minh	Thành	1915128
12	DC19DK1	Phạm Đăng	Trình	1915670
13	DC19DK1	Nguyễn Hạ	Yến	1916058

DANH SÁCH SV ĐẠT DANH HIỆU "SINH VIÊN GIỎI TOÀN DIỆN"
NĂM HỌC 2021-2022
(kèm theo Quyết định số 4612/QĐ-ĐHBK ngày 08 tháng 11 năm 2023)

Khoa Điện – Điện tử: 100 sinh viên

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
1	DD18DV5	Lương Hữu	Ngân	1813197
2	DD18DV5	Ngô Minh	Nhân	1813327
3	DD18DV6	Nguyễn Thắng Anh	Quân	1813708
4	DD18KSVT	Cao Nguyễn Minh	Trang	1814391
5	DD19KSTD	Trần Quang	Duy	1910096
6	DD19KSTD	Lê Hữu Minh	Đức	1910136
7	DD19KSTD	Trần	Lĩnh	1910314
8	DD19KSTD	Nguyễn Hoàng	Thanh	1910523
9	DD19KSTD	Nguyễn Trọng	Thanh	1910524
10	DD19KSTD	Nguyễn Thế Anh	Tú	1910673
11	DD19KSTD	Phí Thành	Danh	1910914
12	DD19KSTD	Nguyễn Xuân	Minh	1911616
13	DD19KSTD	Bùi Nguyên Quốc	Bảo	1912652
14	DD19KSTD	Trương Minh	Hoàng	1913460
15	DD19KTD02	Trần Tuấn	Kiệt	1910292
16	DD19TD01	Phan Huỳnh	Đức	1910139
17	DD19TD01	Nguyễn Mạnh	Cường	1910898
18	DD19TD01	Trương Khải	Doanh	1910923
19	DD19TD01	Bùi Quang	Đông	1911049
20	DD19TD01	Nguyễn Minh	An	1912529
21	DD19TD01	Nguyễn Thành	An	1912533
22	DD19TD01	Lê Đức	Anh	1912569
23	DD19TD01	Lê Tuấn	Anh	1912576
24	DD19TD01	Nguyễn Hoài	Bảo	1912671
25	DD19TD01	Nguyễn Hoàng	Bảo	1912672
26	DD19TD01	Phan Đình	Bôn	1912742
27	DD19TD01	Đỗ Ngọc	Cẩn	1912755
28	DD19TD01	Nguyễn Quốc	Đạt	1913054
29	DD19TD01	Phạm Đình	Nhân	1914454
30	DD20DV04	Phạm Văn	Thắng	2012081
31	DD20DV1	Nguyễn Hoàng	Việt	2012419
32	DD20KSTD	Dương Ngọc	Hoàn	2010020
33	DD20KSTD	Nguyễn Hòa	Hiệp	2010265
34	DD20KSTD	Nguyễn Nhật	Hưng	2010307
35	DD20KSTD	Nguyễn Trọng	Khang	2010319
36	DD20KSTD	Lê Mỹ	Khánh	2010327

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
37	DD20KSTD	Trương Minh	Mẫn	2010409
38	DD20KSTD	Võ Dương Xuân	Nguyên	2010469
39	DD20KSTD	Phạm Thanh	Phát	2010506
40	DD20KSTD	Nguyễn Hữu	Tiến	2010690
41	DD20KSTD	Trần Như	Toàn	2010708
42	DD20KSTD	Lê Công	Tú	2010762
43	DD20KSVT	Phan Đình	Ấn	2010144
44	DD20KSVT	Lưu Sinh Nhật	Sư	2014390
45	DD20TD1	Ngô Duy	Khoa	2010338
46	DD20TD1	Hồ Trọng	Nghĩa	2010444
47	DD20TD1	Cao Phượng	Hoàng	2011220
48	DD20TD1	Trịnh Nam	Long	2011567
49	DD20TD1	Hồ Thái Đại	Lợi	2011579
50	DD20TD2	Đặng Quang	Thiên	2010641
51	DD20TD2	Nguyễn Quang	Thịnh	2014600
52	DD20TD2	Phạm Tấn	Thịnh	2014607
53	DD20TD2	Trần Thanh	Tùng	2015003
54	DD20TD2	Nguyễn Hoàng	Vinh	2015062
55	DD21LT03	Nguyễn Viết	Thanh	2110535
56	DD21LT04	Nguyễn Đức	Phát	2111978
57	DD21LT07	Võ Bảo	Khang	2111468
58	DD21LT09	Nguyễn Lâm Anh	Vũ	2112670
59	DD21LT10	Nguyễn Đăng	Khoa	2111529
60	DD21LT10	Võ Thành	Khoa	2111547
61	DD21LT12	Bạch Ngọc	Phú	2114409
62	DD21LT12	Văn Bá	Thức	2114971
63	DD21LT12	Nông Văn	Vũ	2115326
64	DD21LT14	Hồ Nguyên	Hoàng	2113395
65	DD21LT1516	Trịnh Đăng Bảo	Đức	2113239
66	DD21LT1516	Nguyễn Đỗ Quốc	Khánh	2113704
67	TT18COA2	Phạm Minh	Quang	1851012
68	TT18COA2	Ninh Phan Quang	Huy	1851070
69	TT18COA2	Vũ Gia	Huy	1851074
70	TT18COA2	Trần Nguyên	Khang	1851076
71	TT18COA2	Hồ Hoài	Nhân	1851096
72	TT18COA2	Phạm Phú	Vinh	1851123
73	TT18CSA2	Lý Chí	Học	1810930
74	TT18CSA2	Đoàn Minh	Khoa	1851009
75	TT18CSA2	Nguyễn Hoàng	Tuấn	1851018
76	TT18CSA2	Lê Thanh	Hải	1851027
77	TT18CSA2	Phạm Tiến	Hải	1851061
78	TT18CSA2	Kiều Ngọc	Huân	1851067

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
79	TT18CSA2	Nguyễn Duy	Long	1851085
80	TT20DDT1	Nguyễn Doãn	Khải	2010332
81	TT20DDT1	Nguyễn Minh	Quân	2010556
82	TT20DDT2	Nguyễn Nhật	Nam	2051153
83	TT21DDT2	Văn Thiên	Lâm	2151110
84	TT21DDT2	Lê Tấn	Phát	2151129
85	TT21DDT2	Đào Vũ Minh	Trí	2151153
86	TT21DDT2	Nguyễn Quốc Gia	Bảo	2151176
87	TT21DDT2	Vũ Huy	Bảo	2151177
88	TT21DDT2	Phạm Văn	Tâm	2151254
89	VP18NL	Lê Trần Thái	Bình	1810046
90	VP18NL	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	1810609
91	VP18NL	Nguyễn Đức	Huy	1812383
92	VP18NL	Mai Anh	Thư	1814270
93	VP18VT	Dương Huy	Hoàng	1810153
94	VP18VT	Nguyễn Lê	Kim	1810267
95	VP18VT	Nguyễn Lê Nam	Hiếu	1812176
96	VP19NL	Nguyễn Mạnh	Đức	1910138
97	VP19NL	Trần Chí	Hải	1913262
98	VP19NL	Nguyễn Thúy	Phượng	1910475
99	VP19VT	Phạm Hải	Nguyên	1911728
100	VP20VT	Giang Miên	Khải	2010033

DANH SÁCH SV ĐẠT DANH HIỆU "SINH VIÊN GIỎI TOÀN DIỆN"
NĂM HỌC 2021-2022
(kèm theo Quyết định số 9611/QĐ-ĐHBK ngày 08 tháng 11 năm 2023)

Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính: 183 sinh viên

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
1	CC18KHM1	Trần Văn	Hưng	1852435
2	CC18KHM1	Lư Anh	Khoa	1852112
3	CC18KHM2	Tưởng Minh	Hùng	1852421
4	CC19KHM2	Huỳnh Kim	Hưng	1952745
5	CC19KHM2	Lưu Chấn	Hưng	1952063
6	CC19KHM2	Trần Đức	Nam	1952861
7	CC19KHM2	Võ Phạm Hoài	Nam	1952863
8	CC19KHM2	Nguyễn Quốc	Việt	1953096
9	CC19KTM1	Bạch Gia	Bảo	1952017
10	CC19KTM1	Trần Hoài	Dương	1952037
11	CC19KTM1	Lưu Trịnh	Lâm	1952315
12	CC19KTM1	Phạm Đình	Trung	1952512
13	CC19KTM1	Nguyễn Lê Thảo	Vy	1952536
14	CC19KTM2	Nguyễn Thành	Lộc	1952330
15	CC19KTM2	Lê Tự Ngọc	Minh	1952844
16	CC20KHM1	Phạm Hữu	Đức	2052452
17	CC20KHM1	Lê Khánh	Duy	2052003
18	CC20KHM1	Nguyễn Ngọc	Hòa	2052485
19	CC20KHM1	Nguyễn Viết	Hòa	2052486
20	CC20KHM1	Võ Trung	Kiên	2053163
21	CC20KHM1	Nguyễn Đình Gia	Lập	2052813
22	CC20KHM1	Lê Hoàng	Long	2053186
23	CC20KHM1	Hà Tấn Khánh	Nam	2052603
24	CC20KHM1	Trần Ngọc	Oanh	2053312
25	CC20KHM1	Nguyễn Nho Gia	Phúc	2052214
26	CC20KHM1	Nguyễn Hồ	Quang	2052666
27	CC20KHM1	Thái	Tài	2052246
28	CC20KHM1	Phạm Châu	Thanh	2052254
29	CC20KHM1	Đào Anh	Tuấn	2053554
30	CC20KHM1	Lưu Quốc	Vinh	2052319
31	CC20KHM2	Nguyễn Công	Đạt	2052942
32	CC20KHM2	Lê Đức	Đồng	2052450
33	CC20KHM2	Trần Công Huy	Hoàng	2052482
34	CC20KHM2	Trần Minh	Thức	2053486
35	CC20KTM1	Nguyễn Thế	Bình	2052002
36	CC20KTM1	Tôn Huỳnh	Long	2052153

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
37	CC20KTM1	Lê Nhật	Minh	1952094
38	CC20KTM1	Trần Trung	Nguyên	2052196
39	CC20KTM1	Mai Minh	Nhật	2053295
40	CC20KTM2	Trương Huỳnh Đăng	Khoa	2053145
41	CC20KTM2	Võ Đặng Duy	Tiến	2053498
42	MT18KH01	Trương Việt	Dũng	1810880
43	MT18KH01	Huỳnh Nhật	Long	1812872
44	MT18KH02	Nguyễn Tiến	Đạt	1811884
45	MT18KH03	Trần Quốc	Khang	1812563
46	MT18KH03	Nguyễn Huỳnh Hữu	Khiêm	1810998
47	MT18KH04	Trương Thanh	Lộc	1812982
48	MT18KH04	Lý Kiến	Minh	1813080
49	MT18KH05	Trần Trọng	Nghĩa	1813233
50	MT18KH05	Nguyễn Long	Nhật	1813367
51	MT18KH06	Đoàn Nhật	Thành	1814002
52	MT18KT02	Trần Minh	Tâm	1813926
53	MT19KH01	Lê Đình	Luân	1914055
54	MT19KH02	Nguyễn Trọng	Phúc	1914704
55	MT19KH03	Bùi Lương Vinh	Hiển	1913380
56	MT19KH03	Nguyễn Cảnh	Hoàng	1913433
57	MT19KH03	Võ Hồ Tấn	Khang	1913713
58	MT19KH03	Trần Tuấn	Phong	1914641
59	MT19KH03	Trần Nguyễn Hữu	Thọ	1915347
60	MT19KH04	Nguyễn Việt	Anh	1912602
61	MT19KH04	Võ Anh	Nguyên	1914405
62	MT19KH04	Đinh Như	Tân	1915040
63	MT19KH06	Đoàn Tây	Đô	1913123
64	MT19KH07	Đặng Hùng	Cường	1912817
65	MT19KH07	Ngọ Tiến	Đạt	1913040
66	MT19KH07	Lâm Thành	Dương	1912980
67	MT19KH07	Hồ Văn	Hòa	1913467
68	MT19KH08	Nguyễn Trường Hải	Đăng	1911044
69	MT19KH08	Lê Bảo	Khánh	1911363
70	MT19KH08	Nguyễn Hoài	Thương	1912184
71	MT19KH08	Nguyễn Duy	Uyên	1912410
72	MT19KH09	Chung Đông	Phong	1911837
73	MT19KH10	Nguyễn Hoàng	Lâm	1910298
74	MT19KH10	Lê Hữu Đức	Minh	1910339
75	MT19KH10	Võ Nguyễn Thiện	Nhân	1910409
76	MT19KH10	Trương Vĩnh	Phước	1910473
77	MT19KH10	Nguyễn Phúc	Thịnh	1910565
78	MT19KH10	Nguyễn Kim Phương	Trang	1910620

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
79	MT19KHTN	Nguyễn Khoa Gia	Cát	1912749
80	MT19KHTN	Nguyễn Huỳnh	Đức	1910137
81	MT19KHTN	Ngô Lê Quốc	Dũng	1910101
82	MT19KHTN	Võ Văn Tiến	Dũng	1910984
83	MT19KHTN	Lê Viết	Hoà	1911186
84	MT19KHTN	Bùi Đắc	Hưng	1913621
85	MT19KHTN	Lê Gia	Huy	1910202
86	MT19KHTN	Lê Đức	Khoan	1913832
87	MT19KHTN	Đặng Nguyễn Xuân	Nam	1910351
88	MT19KHTN	Lê Thanh	Sang	1914914
89	MT19KHTN	Lâm Thiện	Toàn	1915540
90	MT19KHTN	Nguyễn Hoàng	Trung	1910644
91	MT19KT01	Nguyễn Quốc	Hùng	1913610
92	MT19KT01	Nguyễn Duy	Khánh	1913743
93	MT19KT01	Phan Tấn	Phát	1914603
94	MT19KT01	Nguyễn Công	Thành	1915144
95	MT19KT01	Trương Phi	Trường	1915749
96	MT19KT03	Nguyễn Thành	Đạt	1913060
97	MT19KT03	Đặng Trung	Kiên	1911437
98	MT19KT03	Diệp Trần	Nam	1914213
99	MT19KT03	Nguyễn Đức	Phúc	1914691
100	MT19KT04	Vũ Khánh	Hưng	1910232
101	MT19KT04	Trần Thọ	Nhân	1910405
102	MT19KT04	Nguyễn Việt Khánh	Trình	1912303
103	MT19KTTN	Đặng Phương	Nam	1911636
104	MT19KTTN	Nguyễn Trọng	Nhân	1914446
105	MT19KTTN	Ngô Minh Hồng	Thái	1912046
106	MT20KH01	Trần Phúc	Anh	2010133
107	MT20KH01	Dương Huỳnh Anh	Đức	2010226
108	MT20KH01	Nguyễn Mậu Minh	Đức	2010230
109	MT20KH01	Phan Hiền	Mai	2010405
110	MT20KH01	Trần Quốc	Thái	2010616
111	MT20KH01	Trần Thị Thu	Thảo	2010629
112	MT20KH01	Tô Đại	Thịnh	2012118
113	MT20KH01	Nguyễn Đình	Tuấn	2010754
114	MT20KH02	Cao Trần Anh	Khoa	2010335
115	MT20KH02	Tiêu Thái	Ngọc	2010455
116	MT20KH02	Trần Nguyên	Vũ	2012445
117	MT20KH03	Nguyễn Tấn	Phát	2011796
118	MT20KH03	Phạm Hữu	Phú	2010516
119	MT20KH03	Lê Nguyễn Huyền	Thoại	2012122
120	MT20KH04	Phạm Hoàng Đức	Huy	2011286

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
121	MT20KH05	Lê Phước	Đạt	2011060
122	MT20KH05	Huỳnh Văn	Nhân	2011734
123	MT20KH05	Hà Phan Thiên	Phú	2011826
124	MT20KH06	Hoàng Nhật	Hà	2011128
125	MT20KH06	Lê Huỳnh Đăng	Khoa	2011420
126	MT20KH06	Nguyễn Minh	Khoẻ	2011438
127	MT20KH07	Hà Trung	Kiên	2013540
128	MT20KH07	Nguyễn Cao Trung	Nghĩa	2012519
129	MT20KH07	Nguyễn Thị Minh	Uyên	2012538
130	MT20KH08	Lầu	Hội	2013262
131	MT20KH08	Đặng Nguyên	Phúc	2014155
132	MT20KH08	Lê Thanh	Tân	2014451
133	MT20KH09	Ngô Gia	Phong	2014121
134	MT20KH10	Vũ Trần	Hoàng	2013245
135	MT20KH10	Nguyễn Hữu	Lượng	2013724
136	MT20KH11	Nguyễn Trọng	Nghĩa	2013873
137	MT20KH11	Trương Công	Thành	2014512
138	MT20KHTN	Nguyễn Đức	An	2010102
139	MT20KHTN	Trần Tuấn	Anh	2010878
140	MT20KHTN	Nhiếp Thị Bảo	Châu	2012715
141	MT20KHTN	Lương Hồng Tiến	Đạt	2012924
142	MT20KHTN	Võ Phạm Tuấn	Dũng	2010013
143	MT20KHTN	Đỗ Huy	Hoàng	2013219
144	MT20KHTN	Nguyễn Huy	Hoàng	2013230
145	MT20KHTN	Lê Nguyên	Hùng	2013360
146	MT20KHTN	Lê Quốc	Hưng	2013383
147	MT20KHTN	Nguyễn Quang	Huy	1916081
148	MT20KHTN	Nguyễn Duy	Khang	2011364
149	MT20KHTN	Nguyễn Đặng Anh	Khoa	2010339
150	MT20KHTN	Huỳnh Tấn	Lộc	2010391
151	MT20KHTN	Lê Tấn	Lộc	2011572
152	MT20KHTN	Tạ Lê Đắc	Lộc	2010396
153	MT20KHTN	Nguyễn Văn Bảo	Nguyên	2013930
154	MT20KHTN	Nguyễn Đắc Hoàng	Phú	2010514
155	MT20KHTN	Lâm Phạm Trọng	Phúc	2011844
156	MT20KHTN	Kha	Sang	2010576
157	MT20KHTN	Trần Trung	Thái	2014482
158	MT20KHTN	Huỳnh Hữu Quyết	Thắng	2014533
159	MT20KHTN	Trần Quang	Thắng	2014548
160	MT20KHTN	Lưu Quốc Hưng	Thịnh	2010651
161	MT20KHTN	Huỳnh Đại	Vinh	2010785
162	MT20KT01	Quách Minh	Đức	2010231

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
163	MT20KT01	Nguyễn Phúc	Khang	2010318
164	MT20KT01	Võ Đức	Minh	2010421
165	MT20KT01	Đặng Đình	Thông	2010660
166	MT20KT01	Lê Phú	Thuận	2010665
167	MT20KT01	Nguyễn Ngọc	Trí	2012286
168	MT20KT02	Dương Phương	Bình	2010928
169	MT20KT02	Đỗ Thành	Minh	2011610
170	MT20KT03	Trần Vĩnh	Phúc	2014185
171	MT20KT03	Nguyễn Phước Bảo	Tiến	2014726
172	MT20KT03	Trịnh Trí	Văn	2012406
173	MT20KT04	Nguyễn Phúc	Đăng	2012968
174	MT20KT04	Lê Trung	Đức	2012995
175	MT20KT05	Nguyễn Kim Ngọc	Vy	2015118
176	MT20KT06	Đào Nguyễn Đức	Duy	2012811
177	MT20KT06	Hoàng	Lương	2013722
178	MT20KT06	Nguyễn Trung	Nghĩa	2013875
179	MT20KTTN	Nguyễn Văn	Công	2012754
180	MT20KTTN	Ung Ngô Minh	Lăng	2011507
181	MT20KTTN	Nguyễn Văn	Lợi	2013705
182	MT20KTTN	Trần Thế	Phong	2014130
183	MT20KTTN	Hà Trung	Quyền	2014314

DANH SÁCH SV ĐẠT DANH HIỆU "SINH VIÊN GIỎI TOÀN DIỆN"
NĂM HỌC 2021-2022
(kèm theo Quyết định số 4611/QĐ-ĐHBK ngày 08 tháng 11 năm 2023)

Khoa Kỹ thuật Hóa học: 266 sinh viên

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
1	CC18HC11	Huỳnh Bảo Minh	Châu	1752106
2	CC18HC11	Trịnh Nguyễn Thuỳ	Dương	1752152
3	CC18HC11	Võ Thành	Đạt	1752167
4	CC18HC11	Huỳnh Thị Thanh	Tú	1752600
5	CC18HC11	Huỳnh Gia	Bảo	1811501
6	CC18HC11	Lạc Dân	Hy	1852438
7	CC18HC11	Nguyễn Hoàng Phương	Nghi	1852607
8	CC18HC11	Nguyễn Lê Nguyên	Phương	1852682
9	CC18HC11	Đặng Minh	Tuấn	1852832
10	CC18HC12	Lưu Quan	Sâm	1852120
11	CC18HC12	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	1852277
12	CC18HC12	Nguyễn Gia	Hân	1852356
13	CC18HC12	Bùi Ngọc Thanh	Phương	1852677
14	CC18HC12	Lê Nhật	Quang	1852693
15	CC18HC12	Hoàng Hữu	Quốc	1852702
16	CC18HC12	Lê Phương	Quỳnh	1852713
17	CC18HC12	Đoàn Ngọc Thùy	Trang	1852800
18	CC18HC12	Trịnh Trí	Vinh	1852876
19	CC18HC12	Nguyễn Hoàng	Yến	1852892
20	CC19HC11	Huỳnh Tấn	An	1852219
21	CC19HC11	Phạm Kim	Khánh	1852458
22	CC19HC11	Trần Chí	Nhân	1852631
23	CC19HC11	Nguyễn Duy	Phong	1852658
24	CC19HC11	Nguyễn Minh	Phước	1852688
25	CC19HC11	Lê Hoàng	Tín	1852794
26	CC19HC11	Trương Nhật	Trường	1852829
27	CC19HC11	Đỗ	Thường	1952132
28	CC19HC11	Vy Thu Nhã	Uyên	1952156
29	CC19HC11	Hoàng	An	1952165
30	CC19HC11	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	1952504
31	CC19HC11	Lê Thanh Hải	Triều	1952506
32	CC19HC11	Nguyễn Thị Thu	Hà	1952664
33	CC19HC11	Nguyễn Ngọc	Thảo	1952989
34	CC19HC11	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	1953032
35	CC19HC11	Trần Quốc	Trung	1953053
36	CC19HTP1	Trần Thị Minh	Thư	1852782

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
37	CC19HTP1	Nguyễn Thu	An	1952548
38	CC19HTP2	Trần Hoàng Khánh	Linh	1913960
39	CC19HTP2	Võ Ngọc Mai	Anh	1952016
40	CC19HTP2	Trần Trọng	Nghĩa	1952099
41	CC19HTP2	Trần Thị Vân	Anh	1952182
42	CC20HC11	Đinh Thiết	Anh	2052022
43	CC20HC11	Chế Quang	Công	2052047
44	CC20HC11	Lê Quỳnh	Mai	2052160
45	CC20HC11	Nguyễn Tiến	Mạnh	2052162
46	CC20HC11	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	2052200
47	CC20HC11	Lê Hoàng Lan	Phương	2052217
48	CC20HC11	Đặng Trần Đức	Minh	2052342
49	CC20HC11	Nguyễn Thiên Thanh	Xuân	2053610
50	CC20HC12	Nguyễn Trọng	Bằng	2052039
51	CC20HC12	Lâm Phước Song	Nguyên	2052192
52	CC20HC12	Lê Vũ Phương	Như	2052202
53	CC20HC12	Nguyễn Minh	Tú	2052304
54	CC20HC12	Trịnh Tú	Trinh	2052760
55	CC20HTP	Lưu Nguyễn Thục	Đoan	2052449
56	CC20HTP	Đỗ Hoàng	Phúc	2052653
57	CC20HTP	Nguyễn Minh	Nhân	2053284
58	CC20HTP	Phạm Nhật	Quyên	2053387
59	CC21HC11	Trần Lan	Anh	2110021
60	CC21HC11	Dương Quang	Chí	2152030
61	CC21HC11	Nguyễn Vũ	Khang	2152113
62	CC21HC11	Nguyễn Huỳnh Phương	Khanh	2152115
63	CC21HC11	Trần Nhật	Khánh	2152124
64	CC21HC11	Phạm Ngọc	Khôi	2152141
65	CC21HC11	Phạm Tuấn	Kiệt	2152146
66	CC21HC11	Nguyễn Xuân	Hiếu	2153346
67	CC21HC11	Trần Anh	Khoa	2153472
68	CC21HC11	Trần Thanh	Mai	2153560
69	CC21HC11	Trần Lê Hoài	Nhi	2053305
70	CC21HC11	Trần Kim Bảo	Ngọc	2152195
71	CC21HC11	Lê Phạm Minh	Quân	2152264
72	CC21HC11	Phạm Quang Trung	Quân	2152268
73	CC21HC11	Nguyễn Minh	Tiến	2152311
74	CC21HC11	Nguyễn Minh	Trí	2152328
75	CC21HC12	Thái Khánh	Vy	2153116
76	HC18BSH	Trần Phạm Thiên	Phương	1811165
77	HC18BSH	Lê Diễn	Đạt	1811857
78	HC18BSH	Trần Long	Định	1811928

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
79	HC18BSH	Trần Văn	Hậu	1812148
80	HC18BSH	Trần Thị Xuân	Huyên	1812440
81	HC18BSH	Nguyễn Quảng Thanh	Nam	1813163
82	HC18BSH	Võ Thị Thuý	Nga	1813182
83	HC18BSH	Nguyễn Hữu	Nhân	1813331
84	HC18BSH	Võ Trang Anh	Thư	1814282
85	HC18BSH	Trương Thị Bích	Trâm	1814415
86	HC18BSH	Võ Thị Thảo	Vy	1814860
87	HC18HD	Huỳnh Thị Mỷ	Ngân	1810344
88	HC18HD	Lữ Ngọc Thu	Hường	1810972
89	HC18HD	Diệp Trường	Vũ	1811337
90	HC18HD	Lê Thị	Chi	1811605
91	HC18HD	Nguyễn ái	Duyên	1811757
92	HC18HD	Phạm Ngọc	Dự	1811827
93	HC18HD	Võ Trường Bảo	Tín	1814348
94	HC18HD	Nguyễn Thị Thanh	Trà	1814411
95	HC18HD	Phạm Vũ Ngọc	Tuyên	1814633
96	HC18HD	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	1814730
97	HC18HD	Vương Thị ái	Vân	1814757
98	HC18HLY	Nguyễn Chí	An	1810003
99	HC18HLY	Cù Hoàng	Minh	1810322
100	HC18HLY	Nguyễn Mai Hiền	Trinh	1810608
101	HC18HLY	Lê Kỳ	Anh	1810682
102	HC18HLY	Nguyễn Minh	Khôi	1811012
103	HC18HLY	Lý Minh	Tiến	1811273
104	HC18HLY	Đoàn Thành	Tú	1811320
105	HC18HLY	Chế Võ Thảo	An	1811365
106	HC18HLY	Nguyễn Lâm Đức	Duy	1811720
107	HC18HLY	Nguyễn Thành	Duy	1811729
108	HC18HLY	Đinh Hồ Minh	Đức	1811956
109	HC18HLY	Dương Thị Thanh	Hiền	1812208
110	HC18HLY	Trương Quang	Khải	1812625
111	HC18HLY	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	1812823
112	HC18HLY	Võ Thị Thanh	Mai	1813035
113	HC18HLY	Lê Thị	Nhung	1813425
114	HC18HLY	Huỳnh Anh	Phúc	1813561
115	HC18HLY	Trương Quốc	Thịnh	1814188
116	HC18HLY	Trần Anh	Thoại	1814194
117	HC18HLY	Nguyễn Thị	Thuận	1814234
118	HC18HLY	Văn Minh	Tiến	1814328
119	HC18HLY	Nguyễn Trung	Tín	1814344
120	HC18HLY	Trần Lê Phương	Trang	1814405

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
121	HC18HLY	Mang Thị Xuân	Trúc	1814536
122	HC18HLY	Tạ Mẫn	Tuệ	1814628
123	HC18HLY	Đinh Anh	Tú	1814657
124	HC18HLY	Hà Tú	Uyên	1814726
125	HC18HLY	Nguyễn Thị Hoàng	Vy	1814849
126	HC18KSTN	Nguyễn Trường Như	Hảo	1810133
127	HC18KSTN	Ông Thị Ngọc	Khánh	1810230
128	HC18KSTN	Lâm Bảo	Long	1810291
129	HC18KSTN	Trần Ngọc Quỳnh	Như	1810417
130	HC18KSTN	Nguyễn Thiên	Phúc	1810444
131	HC18KSTN	Đặng Thị Mỹ	Duyên	1810695
132	HC18KSTN	Nguyễn Đình	Sáng	1810762
133	HC18KSTN	Lâm Thuận	An	1810792
134	HC18KSTN	Văn Tú	Quỳnh	1811190
135	HC18KSTN	Nguyễn Quang	Khải	1812618
136	HC18KSTN	Nguyễn Hoàng Tuấn	Kiệt	1812726
137	HC18KSTN	Nguyễn Trọng Phúc	Nguyên	1813286
138	HC18KSTN	Lý Uyên	Nhi	1813397
139	HC18KSTN	Nguyễn Quốc Thiện	Phúc	1813583
140	HC18KSTN	Bùi Lê Nam	Quang	1813655
141	HC18KSTN	Trương Tuệ	Quyên	1813749
142	HC18KSTN	Huỳnh Thị Bích	Tuyền	1814644
143	HC18KSTN	Nguyễn Minh	Tú	1814675
144	HC19BSH	Ôn Nguyễn Minh	Tâm	1912006
145	HC19BSH	Lê Thu Thủy	Tiên	1912192
146	HC19BSH	Phan Huỳnh Thanh	Trúc	1912336
147	HC19BSH	Nguyễn Thị Hương	Hạ	1913275
148	HC19BSH	Lê Văn	Lưu	1914083
149	HC19BSH	Bạch Ngọc	Mai	1914105
150	HC19BSH	Vũ Thị Kim	Xuân	1916045
151	HC19CHC	Lưu Bảo	Châu	1910863
152	HC19CHC	Cao Cơ	Hiệp	1913390
153	HC19DK	Lê Đình	Duy	1910083
154	HC19DK	Nguyễn Phan Minh	Đăng	1910122
155	HC19DK	Phan Thị Kim	Thủy	1910592
156	HC19DK	Đặng Lâm Duy	Toàn	1915537
157	HC19DK	Phạm Thị	Trang	1915591
158	HC19HD	Dương Bích	Ngọc	1910373
159	HC19HD	Nguyễn Quốc	Thái	1912049
160	HC19HD	Hồ Bảo	Trâm	1912256
161	HC19HD	Phạm Đặng Bảo	Trân	1912272
162	HC19HD	Phạm Ngọc Thảo	Hiền	1913377

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
163	HC19HLY	Nguyễn Huệ	Linh	1910308
164	HC19HLY	Lê Quốc	Đạt	1911008
165	HC19HLY	Võ Đình	Khang	1911352
166	HC19HLY	Lê Thị Trúc	Đào	1913003
167	HC19HLY	Phạm Gia	Khánh	1913753
168	HC19HLY	Diệp Tường Minh	Nhật	1914467
169	HC19HLY	Nguyễn Thị	Phượng	1914785
170	HC19HLY	Huỳnh Sơn Thảo	Sương	1914981
171	HC19HLY	Trần Thị Thu	Thảo	1915202
172	HC19KSTN	Nguyễn Quỳnh	Anh	1910019
173	HC19KSTN	Phạm Quốc	Anh	1910026
174	HC19KSTN	Nguyễn Ngọc	Hạnh	1910163
175	HC19KSTN	Nguyễn Hoàng	Huy	1910208
176	HC19KSTN	Bùi Trúc	Hạ	1911109
177	HC19KSTN	Vương Trung	Hiếu	1911171
178	HC19KSTN	Nguyễn Văn	Hòa	1911211
179	HC19KSTN	Bùi Quang	Khang	1911328
180	HC19KSTN	Thái Lê Trường	Giang	1913194
181	HC19KSTN	Cao Minh	Hiếu	1913318
182	HC19KSTN	Trần Duy Tú	Ngân	1914292
183	HC19KSTN	Nguyễn	Phúc	1914689
184	HC19KSTN	Trịnh Quốc	Tân	1910521
185	HC19KSTN	Lý Minh	Thắng	1912087
186	HC19KSTN	Trương Vĩnh	Thịnh	1910570
187	HC19KSTN	Nguyễn Thị Hoài	Thương	1915437
188	HC19KSTN	Lê Trọng	Tín	1915514
189	HC19KSTN	Phạm Thị Tường	Vân	1915891
190	HC19KSTN	Huỳnh Thị Tường	Vy	1910706
191	HC19KTTP	Lưu Ngọc Thùy	An	1910002
192	HC19KTTP	Nguyễn Gia	Khiêm	1910258
193	HC19KTTP	Phạm Dương Huyền	Trang	1910623
194	HC19KTTP	Trần Thị Thanh	Bình	1912739
195	HC19TP	Trần Ngọc Minh	Châu	1910061
196	HC19TP	Nguyễn Lê Thùy	Dương	1910105
197	HC19TP	Nguyễn Ngọc Phương	Oanh	1910426
198	HC19TP	Phạm Thị Nguyệt	Hằng	1911116
199	HC19TP	Nguyễn Thị Yến	Nhi	1914510
200	HC20CHC	Nguyễn Quỳnh	Anh	2010121
201	HC20CHC	Hoàng Ngọc	Sang	2011967
202	HC20CHC	Huỳnh Thanh	Tuấn	2012335
203	HC20CHC	Nguyễn Anh	Khoa	2013500
204	HC20CHC	Trần Thị Tuyết	Nhi	2014028

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
205	HC20CHC	Chung Thị Thúy	Quyên	2014308
206	HC20CHC	Hoàng Phước	Khải	2013472
207	HC20HD	Trần Vũ Thùy	Trang	2010715
208	HC20HD	Đặng Tiến	Huy	2013280
209	HC20HD	Cao Thành	Luân	2013712
210	HC20HLY	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	2013634
211	HC20KSTN	Võ Thành	Phú	1916080
212	HC20KSTN	Vũ Thế	Anh	2010005
213	HC20KSTN	Trịnh Vũ Minh	Hoàng	2010022
214	HC20KSTN	Nguyễn Tuấn	Anh	2010126
215	HC20KSTN	Nguyễn Đoàn Bách	Đạt	2010212
216	HC20KSTN	Nguyễn Trần Minh	Nhật	2010485
217	HC20KSTN	Nguyễn Minh	Thuận	2010667
218	HC20KSTN	Nguyễn Tấn Tâm	Thy	2010683
219	HC20KSTN	Phan Tuấn	Hoàn	2011218
220	HC20KSTN	Phan Phạm Đức	Minh	2011624
221	HC20KSTN	Hồ Bình Châu	Anh	2012582
222	HC20KSTN	Nguyễn Hoài	Anh	2012599
223	HC20KSTN	Trần Quốc	Thành	2014511
224	HC20KSTN	Phan Kiến	Văn	2015023
225	HC20KTTP	Trần Ngọc Hồng	Anh	2010130
226	HC20KTTP	Nguyễn Duy	Hoàng	2013225
227	HC20KTTP	Lê Hoàng Minh	Quang	2014234
228	HC20TP	Nguyễn Quốc	Bình	2012697
229	HC20TP	Phạm Quốc	Sỉ	2014360
230	HC20TP1	Lương Thái	Bình	2012693
231	HC20TP1	Trang Hiểu	Tín	2010079
232	HC20TP1	Trần Nguyễn Thanh	Trúc	2012318
233	HC21CHC	Trương Đỗ Minh	Thùy	2110572
234	HC21CHC	Nguyễn Lê Bảo	Trân	2110605
235	HC21CHC	Hồ Tiến	Chương	2110864
236	HC21CHC	Lý Lâm Hải	Đăng	2111044
237	HC21CHC	Đào Phương	Ngọc	2111850
238	HC21CHC	Tô Hồng	Phúc	2112057
239	HC21CHC	Phạm Thu	Phương	2112077
240	HC21CHC	Võ Hồng	Phúc	2114462
241	HC21CHC	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	2114479
242	HC21CHC	Nguyễn Thái	Sơn	2114663
243	HC21CHC	Nguyễn Đức	Thuận	2114935
244	HC21HC02	Phan Võ Vĩnh	San	2110502
245	HC21HC02	Hà Võ Thiên	Tú	2112600
246	HC21HC03	Trần Minh	Thiện	2112358

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
247	HC21HC04	Trần Thảo	Ngân	2110378
248	HC21HC04	Võ Minh	Thoại	2110566
249	HC21HC04	Lê Đỗ Linh	Chi	2110850
250	HC21HLY	Bùi Thị Kim	Chi	2110849
251	HC21HOA2	Đặng Minh	Cường	2110067
252	HC21HOA2	Nguyễn Thị Kim	Chi	2110853
253	HC21HOA2	Võ Thy Phương	Khanh	2111475
254	HC21HOA2	Trần Minh	Khôi	2111565
255	HC21HOA2	Hồ Thị Huỳnh	Như	2111957
256	HC21HOA2	Trần Tuấn	Anh	2112821
257	HC21HOA2	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	2112929
258	HC21HOA2	Lê Hoàng	Kiên	2113815
259	HC21HOA2	Trần Thị Thanh	Mai	2114018
260	HC21HOA3	Lê Minh	Bảo	2112861
261	HC21HOA3	Vũ Thị Nam	Giang	2113265
262	HC21HOA3	Phan Hoa Ngọc	Hương	2113630
263	HC21HOA3	Trần Lâm Tú	Quỳnh	2114622
264	HC21HOA3	Nguyễn Minh	Thuận	2114937
265	HC21HOA3	Đinh Vũ Mỹ	Uyên	2115246
266	HC21HOA3	Nguyễn Phúc	Vinh	2115299

DANH SÁCH SV ĐẠT DANH HIỆU "SINH VIÊN GIỎI TOÀN DIỆN"
NĂM HỌC 2021-2022
(kèm theo Quyết định số 4614 /QĐ-ĐHBK ngày 08 tháng 11 năm 2023)

Khoa Quản lý Công nghiệp: 205 sinh viên

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
1	CC19QKD1	Nguyễn Thị Thúy	Hạ	1852351
2	CC19QKD1	Lê Nguyễn Minh	Trang	1852801
3	CC19QKD1	Mitpasong	Keomany	1852898
4	CC19QKD1	Banchongphanith	Lathda	1852901
5	CC19QKD1	Nguyễn Huỳnh Trúc	Thanh	1952448
6	CC19QKD1	Lê Phước	Tuấn	1952517
7	CC19QKD1	Hoàng Nhật	Khang	1952758
8	CC19QKD2	Ô Huỳnh Khánh	Duy	1952211
9	CC19QKD2	Bùi Ngọc Thiên	Hương	1952278
10	CC19QKD2	Lai Bảo	Ngọc	1952873
11	CC19QKD2	Trần Hoàng	Tiến	1953021
12	CC20QKD1	Nguyễn Thanh	Hiền	1952686
13	CC20QKD1	Bùi Ngọc Quốc	Khánh	1952769
14	CC20QKD1	Hồ Thị Như	Ngọc	1952872
15	CC20QKD1	Ngô Thanh	Trúc	1953057
16	CC20QKD1	Nguyễn Tấn Quỳnh	Như	2052203
17	CC20QKD1	Phạm Hà Khánh	Nhi	2052635
18	CC20QKD2	Đặng Trần Thu	Ngân	2052181
19	CC20QKD2	Trịnh Trần Phú	An	2052367
20	CC20QKD2	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	2052614
21	CC20QKD2	Nguyễn Thị	Hiền	2052998
22	CC20QKD2	Phạm Ngọc Thảo	Ngân	2053259
23	CC20QKD2	Nguyễn Minh	Nghiêm	2053262
24	CC20QKD2	Nguyễn Vinh	Quang	2053361
25	CC21QKD1	Huỳnh Thị Phương	Thảo	2052710
26	CC21QKD1	Hoàng Gia	Bảo	2052870
27	CC21QKD1	Nguyễn Ngọc	Hằng	2052979
28	CC21QKD1	Phạm Lê Ngọc	Huy	2053049
29	CC21QKD1	Nguyễn Thế	Thắng	2053447
30	CC21QKD1	Lại Hoàng Tuyết	Hương	2113625
31	CC21QKD1	Hồ Lữ Quỳnh	Như	2152222
32	CC21QKD1	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	2152225
33	CC21QKD1	Nguyễn Hiếu	Thảo	2152288
34	CC21QKD1	Lê Hồng	Thơ	2152300
35	CC21QKD1	Trần Nguyễn Gia	Kỳ	2152711
36	CC21QKD1	Nguyễn Lâm Tâm	Như	2152849
37	CC21QKD1	Liêu Lâm Thanh	Thảo	2152977

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
38	CC21QKD1	Nguyễn Duy	Khang	2153429
39	CC21QKD2	Lê Ngọc Minh	Thư	2152304
40	CC21QKD2	Nguyễn Quang	Đại	2152498
41	CC21QKD2	Nguyễn Khánh	Hạ	2152545
42	CC21QKD2	Hồ Trần Bửu	Phát	2152851
43	CC21QKD2	Huỳnh Tố	Quân	2153734
44	QL1801	Mai Xuân	Hảo	1810132
45	QL1801	Trần Thị Minh	Huyền	1810187
46	QL1801	Trần Thị Mỹ	Huyền	1810188
47	QL1801	Võ Xuân	Hương	1810203
48	QL1801	Tạ Tuyết	Thư	1810571
49	QL1801	Huỳnh Thị Thảo	Trang	1810590
50	QL1801	Lê Nguyễn Thuỳ	Trang	1810591
51	QL1801	Lê Nguyễn Phương	Uyên	1810649
52	QL1801	Lê Thị Thùy	Linh	1811026
53	QL1801	Nguyễn Ngọc Khánh	Quỳnh	1811189
54	QL1801	Nguyễn Thị Bích	Thùy	1811259
55	QL1802	Lê Thị Kim	Dung	1810856
56	QL1802	Trần Nguyên	Khánh	1810994
57	QL1802	Lữ Thị ái	Vân	1811331
58	QL1802	Đào Thụy Hoàng	Yến	1811352
59	QL1802	Hà Vân	Anh	1811404
60	QL1802	Lê Thị Trúc	Hà	1812021
61	QL1802	Nguyễn Minh	Hằng	1812102
62	QL1802	Đồng Thị Thúy	Hoa	1812235
63	QL1802	Nguyễn Thị Tuyết	Hoan	1812237
64	QL1802	Đào Thu	Hoài	1812241
65	QL1802	Nguyễn Lê Anh	Hoài	1812242
66	QL1803	Hà Chấn	Hưng	1812486
67	QL1803	Trần Quỳnh	Hương	1812511
68	QL1803	Dương Vũ	Long	1812849
69	QL1803	Phạm Phước	Lộc	1812977
70	QL1803	Lê Thị Tuyết	Mai	1813031
71	QL1803	Trương Ngọc	Mai	1813034
72	QL1803	Phan Xuân	Minh	1813103
73	QL1803	Trần Thị	Minh	1813108
74	QL1803	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1813204
75	QL1803	Đặng Thị Kim	Phượng	1813651
76	QL1804	Lương Ngọc Thúy	Quyên	1813745
77	QL1804	Nguyễn Duy	Thắng	1814092
78	QL1804	Nguyễn Thị Hoài	Thương	1814287
79	QL1804	Bùi Sơn	Trường	1814545

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
80	QL1804	Trần Ngọc	Tuyết	1814638
81	QL1804	Ngô Thị Thanh	Tuyền	1814645
82	QL190102	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	1916046
83	QL190102	Vương Thanh	Duyên	1912942
84	QL190102	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	1913285
85	QL190102	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	1913295
86	QL190102	Phan Thị Thúy	Hồng	1913483
87	QL190102	Nguyễn Lan	Hương	1913659
88	QL190102	Hà Ngọc Phương	Lam	1913902
89	QL190102	Nguyễn Trần Yến	Linh	1913953
90	QL190102	Nguyễn Thúy	Nga	1914262
91	QL190102	Phạm Thảo	Ngọc	1914354
92	QL190102	Cao Trần Quỳnh	Nhã	1914419
93	QL190102	Trần Thị Minh	Như	1914554
94	QL190102	Đặng Trúc	Phương	1914733
95	QL190102	Võ Hoàng	Phước	1914781
96	QL190102	Nguyễn Trường	Sơn	1914968
97	QL190102	Nguyễn Hoàng	Tân	1915057
98	QL190102	Tạ Thị	Thơm	1915366
99	QL190102	Lê Thị Ngọc	Thuyền	1915391
100	QL190102	Lương Thị Diễm	Thuý	1915392
101	QL190102	Hồ Anh	Thy	1915450
102	QL190102	Huỳnh Anh	Thy	1915451
103	QL190102	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	1915456
104	QL190102	Võ Thị Mỹ	Trâm	1915604
105	QL190102	Lê Huyền	Trân	1915608
106	QL1903	Phạm Thiên	Ân	1912642
107	QL1903	Lê Cao	Bình	1912723
108	QL1903	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	1912769
109	QL1903	Trần Lan	Hương	1913663
110	QL1903	Đỗ Hoàng	Lâm	1913911
111	QL1903	Nguyễn Đại Hoàng	Mỹ	1914205
112	QL1903	Nguyễn Thị Phương	Ngân	1914283
113	QL1903	Lưu Thái	Ngọc	1914339
114	QL1903	Đinh Thị Hồng	Nhung	1914534
115	QL1903	Võ Lam	Phương	1914756
116	QL1903	Thái Thị	Phượng	1914788
117	QL1903	Huỳnh Mai Thanh	Thảo	1915178
118	QL1903	Lim Ngọc	Thảo	1915183
119	QL1903	Nguyễn Thị Thu	Thảo	1915193
120	QL1903	Trần Văn	Thiết	1915278
121	QL1903	Phan Lê Anh	Thư	1915425

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
122	QL1903	Nguyễn Ngọc	Thương	1915435
123	QL1903	Trần Minh	Tường	1915857
124	QL1904	Bùi Bảo	Châu	1910058
125	QL1904	Phạm Minh	Hiền	1910183
126	QL1904	Trương Thị Thu	Ngân	1910368
127	QL1904	Triệu Yến	Nhi	1910419
128	QL1904	Phạm Nguyệt	Tiên	1910602
129	QL1904	Trương Công	Toàn	1910618
130	QL1904	Trịnh Cát	Tường	1910680
131	QL1904	Nguyễn Thùy	Chi	1910874
132	QL1904	Phạm Lâm Minh	Duy	1910962
133	QL1904	Đào Thị	Huyền	1911272
134	QL1904	Hồ Nguyễn Nguyên	Long	1911510
135	QL1904	Lý Thái	Mỹ	1911629
136	QL1904	Nguyễn Hồng	Nhung	1911801
137	QL1904	Trần Thị ái	Như	1911808
138	QL1904	Phan Hoàng Như	Quỳnh	1911965
139	QL1904	Nguyễn Thị Đăng	Trinh	1912285
140	QL1904	Nguyễn Hữu	Trung	1912318
141	QL1904	Nguyễn Thành	Trung	1912323
142	QL2001	Lê Thị Hồng	ánh	2010141
143	QL2001	Lương Ngọc	Hà	2010235
144	QL2001	Hà Thiện	Nhân	2010474
145	QL2001	Nguyễn Phùng Uyên	Nhi	2010490
146	QL2001	Hồ Thị Bích	Phượng	2010543
147	QL2001	Trần Ngọc Bảo	Trân	2010722
148	QL2001	Đặng Nguyễn Diễm	Trinh	2010731
149	QL2001	Nguyễn Vân	Anh	2010871
150	QL2001	Nguyễn Trúc	Đoan	2011094
151	QL2001	Nguyễn Tiến	Hưng	2011334
152	QL2001	Bùi Phạm Quang	Khôi	2011439
153	QL2001	Đặng Ngô Trung	Nhân	2011726
154	QL2001	Lý Kim Huỳnh	Như	2011777
155	QL2001	Giáp Vũ Hoàng	Yến	2012465
156	QL2002	Nguyễn Văn	Hiếu	2011192
157	QL2002	Bùi Thụy Hoàng	Lam	2011501
158	QL2002	Nguyễn Thị Hoài	Linh	2011529
159	QL2002	Lương Thị Yến	Nhi	2011760
160	QL2002	Phan Thanh	Thắng	2012079
161	QL2002	Vũ Thị Khánh	Trang	2012250
162	QL2003	Lê Thùy	Dương	2011035
163	QL2003	Huỳnh Quốc	Anh	2012586

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
164	QL2003	Vương Gia	Bảo	2012678
165	QL2003	Đậu Thị Kim	Chi	2012718
166	QL2003	Đồng Khánh	Chi	2012719
167	QL2003	Vòng Trự	Dẩu	2012791
168	QL2003	Trịnh Thị Mỹ	Hạnh	2013098
169	QL2003	Nguyễn Hoàng	Huy	2013311
170	QL2003	Doãn Thị Cẩm	Hường	2013409
171	QL2003	Trần Đăng	Khoa	2013516
172	QL2003	Tống Thị Khánh	Linh	2013643
173	QL2003	Lê Trần Trà	My	2013802
174	QL2003	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	2013894
175	QL2003	Võ Thị	Oanh	2014069
176	QL2003	Phạm Thị Nhật	Quyên	2014309
177	QL2003	Đỗ Giang	Thanh	2014463
178	QL2004	Nguyễn Thị	Hằng	2013103
179	QL2004	Ngô Quang	Huy	2013304
180	QL2004	Trần Kim	Khánh	2013466
181	QL2004	Nguyễn Đặng Trúc	Linh	2013628
182	QL2004	Nguyễn Hồng	Phúc	2014174
183	QL2004	Lê Thị Như	Phương	2014206
184	QL2004	Trần Hà Nhật	Quyên	2014310
185	QL2004	Võ Phan Hoài	Sơn	2014388
186	QL2004	Đinh Phương	Thảo	2014517
187	QL2004	Phan Hữu	Vinh	2015073
188	QL2101	Trần Quang	Huy	2110210
189	QL2101	Trương Thị Xuân	Mai	2110350
190	QL2101	Nguyễn Hạnh	Nhi	2110421
191	QL2101	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	2110571
192	QL2101	Nguyễn Thị Kim	Yến	2110687
193	QL2101	Nguyễn Tấn	Cường	2110881
194	QL2101	Ngô Thị Mộng	Như	2111961
195	QL2101	Huỳnh Đặng Bảo	Thy	2112418
196	QL2101	Nguyễn Thị Bích	Trâm	2112476
197	QL2101	Phạm Thị Mai	Xuân	2112700
198	QL2102	Huỳnh Ngọc Vân	Anh	2112759
199	QL2102	Huỳnh Hữu	Hòa	2113429
200	QL2103	Trần Hồng Quý	An	2112746
201	QL2103	Dương Hữu	Quang	2114497
202	QL2103	Huỳnh Thị Đoàn	Vy	2115342
203	QL2103	Võ Thị Mộng	Vy	2115360
204	QL2104	Huỳnh Kim	Phát	2114368
205	QL2104	Lê Trần Duy	Uyên	2115247

DANH SÁCH SV ĐẠT DANH HIỆU "SINH VIÊN GIỎI TOÀN DIỆN"
NĂM HỌC 2021-2022
(kèm theo Quyết định số 4611 /QĐ-ĐHBK ngày 08 tháng 11 năm 2023)

Khoa Kỹ thuật Xây dựng: 84 sinh viên

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
1	CC18KCX	Trần Tuấn	Vũ	1852107
2	CC18KCX	Huỳnh Phạm Đức	Long	1852523
3	CC19KCX1	Trần Thanh	Bình	1810048
4	CC19KCX1	Lý Huỳnh	Duyên	1852134
5	CC19KCX1	Dương Thị Bích	Thuyền	1952472
6	CC19KCX1	Mai Minh	Triết	1952505
7	CC19KCX1	Dương Chí	Huy	1952714
8	CC19KCX2	Bồ Phúc	Đạt	1952226
9	CC19KCX2	Lê Hoàng	Phúc	1952927
10	CC20XDG1	Nguyễn Chí	Khải	1952778
11	CC20XDG1	Lê Ngọc	Thành	2052257
12	CC20XDG1	Hà Khánh	Duy	2052909
13	CC20XDG2	Nguyễn Việt	Thắng	2053448
14	CC21XDG1	Huỳnh Trọng	Trí	2152326
15	CC21XDG1	Trần Nhật	Linh	2152727
16	VP18XDC	Nguyễn Anh	Huy	1812377
17	VP19XDC	Phan Trung	Anh	1912608
18	VP19XDC	Hồng Tấn	Kiệt	1913871
19	VP19XDC	Phan Thế	Vinh	1915945
20	VP21XDC	Phạm Tấn	Phát	2110438
21	XD18VL1	Trần Nhật	Quang	1810463
22	XD18VL1	Nguyễn Đăng	Khoa	1812653
23	XD19CD2	Bùi Tấn	Phong	1914617
24	XD19CTXD01	Trần Quốc	Bảo	1910828
25	XD19CTXD01	Ngô Hải	Đăng	1911037
26	XD19CTXD01	Trần Cơ	An	1912544
27	XD19CTXD01	Đỗ Thế	Bảo	1912658
28	XD19CTXD01	Nguyễn Bá	Đức	1913149
29	XD19CTXD03	Lê Thành	Phúc	1910452
30	XD19CTXD03	Trần Nguyễn Vĩ	Nam	1911657
31	XD19CTXD03	Nguyễn Phước	Phát	1914594
32	XD19CTXD03	Lê Phước	Phúc	1914687
33	XD19CTXD03	Nguyễn Trần Minh	Quân	1914838
34	XD19CTXD03	Ngô Nhật	Tân	1915053
35	XD19CTXD04	Nguyễn Đức	Thắng	1912089
36	XD19CTXD04	Kiều Nguyễn Như	ý	1912500

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
37	XD19CTXD04	Nguyễn Phát	Toàn	1915550
38	XD19CTXD04	Nguyễn Quốc	Vương	1916001
39	XD19DD2	Nguyễn Lâm Gia	Khang	1910240
40	XD19DD2	Trần Hoàng	Khang	1910244
41	XD19DD2	Võ Trường	Huy	1911268
42	XD19DD2	Phùng Thị Ngọc	Lợi	1911548
43	XD19DD2	Nguyễn Chí	Hoài	1913408
44	XD19DD2	Tăng Hoàng	Huy	1913556
45	XD19DD2	Đỗ Xuân	Hùng	1913603
46	XD19DD2	Phan Văn	Khang	1913704
47	XD19DD2	Phạm Duy	Khang	1913705
48	XD19DD2	Đỗ Minh	Khải	1913770
49	XD19DD2	Phạm An	Khương	1913853
50	XD19DD2	Nguyễn Anh	Kiệt	1913874
51	XD19DD2	Mai Phước	Lộc	1914015
52	XD19DD2	Trần Minh	Luân	1914070
53	XD19DD2	Đoàn Ngọc	Lương	1914077
54	XD19DD2	Lê Minh	Mẫn	1914129
55	XD19KSDD	Bùi Đăng	Khoa	1913796
56	XD20CTXD01	Nguyễn Hoàng	Anh	2012600
57	XD20CTXD01	Châu Minh	Hào	2013044
58	XD20CTXD01	Chiêm Hồng	Huấn	2013266
59	XD20CTXD01	Nguyễn Văn	Chí	2012736
60	XD20CTXD02	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	2010436
61	XD20CTXD02	Phạm Văn	Khánh	2013463
62	XD20CTXD02	Huỳnh Nhật	Linh	2013619
63	XD20CTXD02	Huỳnh Tấn	Long	2013654
64	XD20CTXD02	Nguyễn Quốc	Lộc	2013689
65	XD20CTXD02	Trần Tam	Nông	2014066
66	XD20CTXD02	Trần Nguyễn Minh	Phương	2014215
67	XD20CTXD03	Nguyễn Trí	Thức	2014693
68	XD21KT	Lộc	Tài	2114683
69	XD21LT01	Vũ Đức	Duy	2110947
70	XD21LT01	Lâm Đặng Minh	Quân	2112116
71	XD21LT01	Trần Huỳnh Hồng Chí A	Sanh	2112183
72	XD21LT01	Lê Ngọc Huy	Trứ	2112565
73	XD21LT02	Trương Thành	Trọng	2110623
74	XD21LT02	Lê Minh	Huy	2111301
75	XD21LT02	Trần Lê Quốc	Hùng	2111390
76	XD21LT02	Nguyễn Thành	Long	2111674
77	XD21LT03	Trần Thị Thúy	Được	2113201
78	XD21LT03	Nguyễn Thanh	Phương	2114478

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
79	XD21LT05	Trịnh Ngọc	Trường	2115157
80	XD21XD15	Đặng Hữu	Hiếu	2113337
81	XD21XD15	Hồ Quang	Thiện	2114866
82	XD21XD15	Nguyễn Khắc Toàn	Văn	2115260
83	XD21XD17	Trần Tuấn	Đạt	2113163
84	XD21XD18	Hồ Lâm Anh	Phước	2114486

DANH SÁCH SV ĐẠT DANH HIỆU "SINH VIÊN GIỎI TOÀN DIỆN"
NĂM HỌC 2021-2022
(kèm theo Quyết định số 4611 /QĐ-ĐHBK ngày 08 tháng 11 năm 2023)

Khoa Môi trường và Tài nguyên: 33 sinh viên

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
1	MO18KMT	Phạm Thành	Công	1811639
2	MO18KMT	Hàng Kim	Định	1811927
3	MO18KMT	Nguyễn Minh	Nhật	1813369
4	MO18KMT	Trần Trung	Sơn	1813868
5	MO18KMT	Nguyễn An	Tân	1813937
6	MO18KMT	Đào Cai Nhật	Trường	1814549
7	MO18QLMT	Nguyễn Quỳnh	Anh	1710490
8	MO18QLMT	Lê Ngọc Kim	Ngân	1810345
9	MO18QLMT	Đoàn Phạm Ngọc	Trân	1810600
10	MO18QLMT	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	1811596
11	MO18QLMT	Lê Thị Thanh	Diệu	1811680
12	MO18QLMT	Mai Nguyễn Trà	Giang	1811997
13	MO18QLMT	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	1812114
14	MO18QLMT	Đinh Thị ái	Liên	1812797
15	MO18QLMT	Phạm Thị Hồng	Long	1812933
16	MO18QLMT	Nguyễn Thanh	Ngân	1813203
17	MO18QLMT	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Nhung	1813427
18	MO18QLMT	Võ Tấn	Thịnh	1814190
19	MO18QLMT	Lại Đặng Minh	Trí	1814456
20	MO19KMT	Nguyễn Phúc Kiều	Ly	1910330
21	MO19KMT	Bùi Nguyễn Minh	Đức	1911054
22	MO19KMT	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1914282
23	MO19KMT	Nguyễn Minh	Ngọc	1914344
24	MO19KMT	Phạm Thị Tuyết	Trinh	1915646
25	MO19QLM	Lê Tuyết	Ngọc	1911699
26	MO19QLM	Nguyễn Nam	Khánh	1913745
27	MO19QLM	Đinh Ngọc Thùy	Linh	1913937
28	MO19QLM	Lê Thị Tuyết	Loan	1913973
29	MO19QLM	Huỳnh Lê Mỹ	Quyên	1914871
30	MO19QLM	Lê Trần Thảo	Trinh	1915641
31	MOK20KMT	Vũ Hùng	Phúc	2011866
32	MOK20KMT	Hồ Lê Thiên	Ân	2012633
33	MOK20QLMT	Lê Bùi	Anh	2010110

DANH SÁCH SV ĐẠT DANH HIỆU "SINH VIÊN GIỎI TOÀN DIỆN"
NĂM HỌC 2021-2022
(kèm theo Quyết định số 4521 /QĐ-ĐHBK ngày 08 tháng 11 năm 2023)

Khoa Công nghệ Vật liệu: 39 sinh viên

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
1	VL18NL	Trần Tô	Giang	1810126
2	VL18PO	Lê Thị Ngọc	Trâm	1810595
3	VL18PO	Nguyễn Yến	Linh	1811032
4	VL18PO	Võ Trần Hạnh	Duyên	1811767
5	VL18PO	Nguyễn Trung	Luật	1813010
6	VL18PO	Phạm Lê Thảo	Nguyên	1813292
7	VL18SI	Dương Thanh	Ngân	1810342
8	VL18SI	Lê Hoàng Minh	Châu	1811592
9	VL18SI	Võ Thị Ngọc	Hân	1812127
10	VL18SI	Nguyễn Kim	Hậu	1812138
11	VL18SI	Phan Quốc	Hậu	1812142
12	VL18SI	Nguyễn Đức	Tài	1813888
13	VL18SI	Hoàng Quốc	Thái	1813984
14	VL18SI	Tăng Đức	Thắng	1814107
15	VL18SI	Lê Hoàng	Văn	1814744
16	VL18SI	Nguyễn Thị Thu	Hiền	1812213
17	VL18SI	Nguyễn Thị Như	Thuận	1814235
18	VL18SI	Lê Thị Như	ý	1814880
19	VL19KL	Lê Tấn	Phát	1911823
20	VL19KL	Nguyễn Đức	Thăng	1912082
21	VL19NL	Phùng Nguyễn Nhật	Hào	1913227
22	VL19NL	Hoàng Duy	Minh	1914145
23	VL19PO	Trương Ngọc Yến	Vy	1912487
24	VL19SI	Vũ Ngọc Đình	Khang	1913717
25	VL19SI	Phan Thanh	Toàn	1915558
26	VL2001	Vũ Thị Hồng	Nhung	2014042
27	VL2002	Bùi Thị Trúc	Ly	2013726
28	VL2002	Nguyễn Quang	Vinh	2015065
29	VL2003	Đào Lý Khả	Quỳnh	2014329
30	VL2003	Nguyễn Thị Thu	Hương	2013405
31	VL2004	Trương Kim	ý	2010809
32	VL2008	Ngô Thảo	Vi	2015035
33	VP17VL	Nguyễn Huy	Hân	1711235
34	VP19PO	Trương Võ Thu	Tâm	1915035
35	VP19VL	Nguyễn Thị Bích	Loan	1913976

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
36	VP19VL	Trần Viết Thành	Nhân	1914463
37	VP21PO	Nguyễn Hữu	Hợp	2113445
38	VP21VL	Dương Đại	Phúc	2110450
39	VP21VL	Lê Hiếu	Nghi	2114163

DANH SÁCH SV ĐẠT DANH HIỆU "SINH VIÊN GIỎI TOÀN DIỆN"
NĂM HỌC 2021-2022
(kèm theo Quyết định số 4641/QĐ-ĐHBK ngày 08 tháng 11 năm 2023)

Khoa Khoa học Ứng dụng: 74 sinh viên

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
1	CC20KYS	Nguyễn Mỹ	Duyên	2052055
2	CC20KYS	Nguyễn Lưu Thanh	Ngân	2053253
3	CC21KYS1	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	2152278
4	CC21KYS1	Huỳnh Tấn	Lộc	2152739
5	KU18CKT	Nguyễn Tất Thái	Bình	1811573
6	KU18VLY1	Lê Quốc Thảo	Nguyên	1810368
7	KU18VLY1	Trần Thị Ngọc	Thảo	1810528
8	KU18VLY1	Bành Tường	Anh	1810798
9	KU18VLY1	Lê Thị Hồng	Đào	1810888
10	KU18VLY1	Lê Hoàng	Vũ	1811338
11	KU18VLY1	Huỳnh Mai Thục	Vy	1811349
12	KU18VLY1	Võ Dư Phước	Thảo	1811357
13	KU18VLY1	Phạm Minh	Bảo	1811539
14	KU18VLY1	Huỳnh Lê Vũ	Đạt	1811855
15	KU18VLY1	Trần Nguyễn	Đệ	1811920
16	KU18VLY1	Nguyễn Thảo	Hoàng	1812277
17	KU18VLY1	Hồ Đình Quốc	Huy	1812351
18	KU18VLY1	Võ Quốc	Khánh	1812609
19	KU18VLY1	Ngô Thị Trúc	Lâm	1812767
20	KU18VLY1	Nguyễn Dương Hoài	Long	1812894
21	KU18VLY2	Nguyễn Hoàng	Nam	1813156
22	KU18VLY2	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	1813250
23	KU18VLY2	Đặng Thị Thảo	Nguyên	1813262
24	KU18VLY2	Ngô Đình Minh	Nhật	1813363
25	KU18VLY2	Võ Thị Hồng	Nhung	1813433
26	KU18VLY2	Trần Phạm Quỳnh	Như	1813443
27	KU18VLY2	Đỗ Hồng	Phúc	1813560
28	KU18VLY2	Trương Bá Bảo	Phúc	1813598
29	KU18VLY2	Nguyễn Văn	Sáng	1813823
30	KU18VLY2	Lê Thị Hồng	Thùy	1814247
31	KU18VLY2	Dương Thị	Thư	1814262
32	KU18VLY2	Phạm Thị	Tiền	1814331
33	KU18VLY2	Nguyễn Thị Huyền	Trân	1814422
34	KU18VLY2	Dương Nhật	Trường	1814548
35	KU18VLY2	Hoàng Nhật	Trường	1814552
36	KU18VLY2	Lê Minh Anh	Tuấn	1814602

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
37	KU18VLY2	Nguyễn Quốc	Vũ	1814817
38	KU19CKT1	Lê Nguyễn Hoài	Linh	1913942
39	KU19CKT1	Trịnh Quang	Minh	1914184
40	KU19CKT1	Huỳnh Duy	Tân	1915046
41	KU19CKT1	Nguyễn Nhật Minh	Thông	1915355
42	KU19CKT1	Nguyễn Thiện	ý	1916064
43	KU19CKT2	Lý Duy	Anh	1910757
44	KU19CKT2	Lê Nhựt	Quang	1911903
45	KU19CKT2	Dương Văn	Thời	1915368
46	KU19VLY1	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	1912590
47	KU19VLY1	Vũ Thế	Anh	1912629
48	KU19VLY1	Lê Phi	Đô	1913124
49	KU19VLY1	Tưởng Thọ	Hiếu	1913369
50	KU19VLY1	Dương Hữu	Tài	1914992
51	KU19VLY1	Nguyễn Thị Thu	Thủy	1915406
52	KU19VLY1	Cổ Trọng	Toàn	1915536
53	KU19VLY2	Nguyễn Công	Danh	1910908
54	KU19VLY2	Nguyễn Quốc	Đạt	1911014
55	KU19VLY2	Bùi An	Khang	1913683
56	KU19VLY2	Đặng Hoàng	Phương	1914732
57	KU19VLY2	Nguyễn Thị Tố	Quyên	1914874
58	KU19VLY2	Phạm Nguyễn Anh	Thư	1915427
59	KU19VLY2	Lê Trung	Tín	1915515
60	KU19VLY2	Bùi Trần Ngọc	Yến	1916050
61	KU20COT	Đặng Tri	Thức	2012182
62	KU20COT	Phan Thành	Chiến	2012733
63	KU20COT	Lương Gia	Huy	2013299
64	KU20VLY1	Nguyễn Hương	Nhi	2010489
65	KU20VLY1	Võ Xuân	Trang	2010716
66	KU20VLY1	Thái Tôn	Minh	2011631
67	KU20VLY1	Trần Ngọc	Yến	2015143
68	KU20VLY2	Trần Nguyễn Duy	Anh	2012614
69	KU20VLY2	Nguyễn Bảo	Châm	2012710
70	KU20VLY2	Nguyễn Gia	Huy	2013310
71	KU20VLY2	Phạm Phi	Phụng	2014195
72	KU20VLY2	Mai Hoàng Xuân	Trang	2014796
73	KU20VLY2	Trần Thị ánh	Vy	2015124
74	KU21CKT1	Võ Mạnh	Quỳnh	2112172

DANH SÁCH SV ĐẠT DANH HIỆU "SINH VIÊN GIỎI TOÀN DIỆN"
NĂM HỌC 2021-2022
(kèm theo Quyết định số 4581 /QĐ-ĐHBK ngày 08 tháng 11 năm 2023)

Khoa Kỹ thuật Giao thông: 68 sinh viên

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
1	CC19OTO1	Trương Tấn	Phát	1852654
2	CC19OTO2	Đỗ Hoàng	Sơn	1852719
3	CC20HKG	Nguyễn Đăng	Khoa	2052135
4	CC20HKG	Đặng Hùng	Cường	2052898
5	CC20KTO2	Nguyễn Hoàng Thái	Sơn	2052243
6	CC20KTO2	Bùi Phước	Vinh	2053584
7	CC21HKG1	Nguyễn Hữu	Trọng	2052763
8	CC21HKG1	Hoàng Đình Tuấn	Anh	2152006
9	CC21HKG1	Nguyễn Lưu Thanh	Nguyên	2152200
10	CC21HKG2	Lê Trung	Hiếu	2152072
11	CC21OTO	Nguyễn Lê Vĩnh	Tuyền	2053566
12	CC21OTO	Nguyễn Phúc	Tuấn	2152335
13	CC21OTO	Lương Quang	Huy	2152587
14	CC21OTO	Lê Khánh	Nguyên	2152807
15	GT19HK	Cao Hoàng Minh	Thư	1912175
16	GT19OTO1	Lê Gia	Huy	1913515
17	GT19OTO1	Đoàn Quốc	Phú	1914650
18	GT19OTO2	Hồ Hải	Âu	1910792
19	GT19OTO2	Nguyễn Phúc	Hậu	1911133
20	GT19OTO2	Cao Thái	Dương	1912973
21	GT19OTO2	Đặng Trần Quốc	Gia	1913181
22	GT19OTO2	Đặng Văn Xuân	Hiếu	1913321
23	GT19OTO2	Trần Thanh	Khiết	1913795
24	GT19OTO2	Nguyễn Ngọc	Quyền	1914886
25	GT19OTO2	Tô Nguyễn Trường	Toàn	1915561
26	GT19OTO2	Bùi Văn	Tường	1915848
27	GT19OTO2	Nguyễn Công Nam	Việt	1915908
28	GT19OTO3	Trịnh Quang	Khải	1910257
29	GT19OTO3	Bùi Thịnh	Phát	1910428
30	GT19OTO3	Võ Ngọc	Phú	1910446
31	GT19OTO3	Nguyễn Quang	Vinh	1910695
32	GT19OTO3	Trần Lê Minh	Danh	1910915
33	GT19OTO3	Trần Minh	Luân	1911555
34	GT19OTO3	Nguyễn Minh	Thiện	1912113
35	GT19OTO3	Trương Quốc	Trung	1912328
36	GT19TAU	Biện Tiến	Long	1911504

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
37	GT19TAU	Nguyễn Long	Nhật	1914479
38	GT19TAU	Phạm Tuấn	Thế	1915264
39	GT19THK	Lê Xuân	Khoa	1911406
40	GT20OTO1	Tô Tiến	Đạt	2010215
41	GT20OTO1	Ngô Hoài	Nam	2010428
42	GT20OTO2	Hoàng Đức	Tiến	2014713
43	GT20OTO3	Trần Trung	Kiên	2013551
44	GT20OTO3	Trương	Lam	2013592
45	GT21OTO1	Nguyễn Cường	Thịnh	2112366
46	GT21OTO2	Trần Xuân Vinh	Quang	2114528
47	GT21OTO3	Trần Hữu	Giang	2113262
48	GT21OTO3	Phạm Công	Nghĩa	2114188
49	GT21OTO3	Đặng Bùi Chí	Nguyễn	2114248
50	GT21OTO3	Võ Quang	Trí	2115095
51	VP18HK	Quan Chấn	Huy	1810181
52	VP18HK	Nguyễn Trọng	Hữu	1810204
53	VP18HK	Nguyễn Công Quốc	Khánh	1810228
54	VP18HK	Trần Đức	Long	1810305
55	VP18HK	Trần Bùi Minh	Ngọc	1810364
56	VP18HK	Phạm Vũ Ngọc	Huyền	1810955
57	VP18HK	Lưu Nguyễn Kim	Ngân	1811097
58	VP18HK	Đào Quang	Vinh	1811334
59	VP18HK	Dương Quốc	Bảo	1811495
60	VP18HK	Nguyễn Trần Quang	Nguyên	1813285
61	VP18HK	Nguyễn Tấn	Tài	1813892
62	VP18HK	Nguyễn Văn	Thành	1814026
63	VP18HK	Lê Xuân	Toàn	1814365
64	VP19HK	Nguyễn Việt	Hoàng	1911202
65	VP19HK	Diệp Thanh	Phương	1914729
66	VP19HK	Nguyễn Quốc	Mạnh	1914124
67	VP21HK	Dương Trọng	Văn	2110662
68	VP21HK	Hứa Đại	Bảo	2152020